

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5412/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Mở rộng Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao” tại cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3851/TTr-STNMT ngày 04/9/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Viêt Hải tại Văn bản số 21/CV-MT ngày 22/5/2024 và hồ sơ kèm theo); ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 2668/STNMT-MT ngày 19/6/2024; Văn bản chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện số 27/CV-MT ngày 17/7/2024 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Viêt Hải; ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Viêt Hải (Địa chỉ: Xóm Mỹ Triều, xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao tại cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao (viết tắt là Nhà máy) tại cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Phù Việt, xã Viêt Tiến, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 3000541847 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 16/12/2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 14/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 3000541847.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) Phạm vi, quy mô:

Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao tại cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đầu tư xây dựng trên diện tích 54.204m², bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính (diện tích 24.775m²) gồm: Xưởng sản xuất cọc ly tâm; Nhà cơ khí + sản xuất mương thành mỏng; Hệ thống sàng cát và rửa đá; Kho chứa vật liệu cát, đá qua sàng rửa; Xưởng sản xuất ống cống; Nhà lò hơi; Trạm trộn bê tông thương phẩm; Nhà thành phẩm 1 có cầu trục; Nhà thành phẩm 2 có cầu trục; Bãi vật liệu đá 2x4; Bãi vật liệu đá 1x2; Bãi vật liệu cát; Bãi thành phẩm.

- Hạng mục công trình phụ trợ (diện tích 25.544m²), gồm: Nhà văn phòng + điều hành; Nhà ăn, nghỉ ca; Nhà bảo trì + kéo thép + kho vật tư; Nhà để xe; Nhà bảo vệ (2 nhà); Trạm xăng dầu; Trạm biến áp (2 trạm); Trạm cân nội bộ; Cây xanh, vườn hoa,...

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường (diện tích 3.885m²), gồm: Bể lắng 06 ngăn; Bể lắng 04 ngăn; Hồ gom nước thải; Hệ thống xử lý nước thải; Hồ điều hòa; Kho lưu chứa chất thải nguy hại,...

b) Công suất hoạt động của cơ sở:

- Trạm trộn bê tông thương phẩm: Lắp đặt 03 trạm trộn bê tông (02 trạm trộn công suất mỗi trạm 60m³/h; 01 trạm trộn công suất 90m³/h); công suất sản xuất lớn nhất 175.000 m³/năm.

- Sản xuất cấu kiện công nghệ cao (Cọc bê tông dự ứng lực, ống cống ly tâm, cột điện ly tâm, mương thành mỏng, cống hộp, hào kỹ thuật,...): công suất sản xuất 540.000 mét sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải (đơn vị đề xuất), UBND huyện Thạch Hà (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 138/QĐ-STNMT ngày 05/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm

định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải sau khi được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thạch Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy bê tông thương phẩm và cấu kiện công nghệ cao tại cụm công nghiệp Phù Việt, huyện Thạch Hà theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh (phụ trách);
- Công ty TNHH TM&DVVT Việt Hải;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL₃.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Bá Hà

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại Nhà máy với lưu lượng 20,4m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, nước rửa cốt liệu, sục rửa xe bồn với lưu lượng 25m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước xả đáy lò hơi với lưu lượng 0,2m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ Hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng 2m³/lần (03 tháng thay nước một lần).
- Nguồn số 05: Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sản xuất với lưu lượng lớn nhất là 86,4m³/h.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ các khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý ở các bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình được dẫn cùng với nước thải từ quá trình rửa tay chân, nhà ăn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi dẫn vào hồ điều hòa.

- *Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị, nước rửa cốt liệu, sục rửa xe bồn:* Được xử lý sơ bộ bằng các cụm bể lắng, sau đó được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi dẫn vào hồ điều hòa.

- *Nước xả đáy lò hơi:* Được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi dẫn vào hồ điều hòa.

- *Nước thải từ bể dập bụi của Hệ thống xử lý khí thải lò hơi:* Được chảy trực tiếp qua bể lắng 03 ngăn để xử lý. Sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi dẫn vào hồ điều hòa.

- *Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sản xuất:* Được thu gom và xử lý tại các hố ga bằng phương pháp lắng cơ học rồi được dẫn về hồ điều hòa.

* Toàn bộ các loại nước thải phát sinh tại Cơ sở và nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sau khi xử lý được dẫn vào hồ điều hòa trong khuôn viên Nhà máy để tái sử dụng. Chỉ khi có mưa lớn kéo dài, vượt quá khả năng lưu chứa của hồ, nước tại hồ điều hòa sẽ được bơm ra mương thoát nước của CCN Phù Việt

bằng hệ thống đường ống HPDE D65mm (dài 200m) dẫn vào hồ sinh học của CCN và dẫn về nguồn tiếp nhận là sông Trén.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Trén thuộc địa phận **thôn Ba Giang**, xã Phù Việt, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: $X(m) = 2034\ 550$; $Y(m) = 0534\ 555$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải phát sinh tại Nhà máy với tổng lưu lượng xả thải tối đa là $47,6\ m^3/ngày\ đêm$ (tương đương $1,98\ m^3/h$);

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sản xuất: Lưu lượng lớn nhất là $86,4\ m^3/h$.

2.2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải tại hồ điều hòa được bơm ra mương thoát nước của CCN Phù Việt bằng hệ thống đường ống HPDE D65mm (dài 200m) dẫn vào hồ sinh học của CCN và dẫn ra nguồn tiếp nhận bằng phương thức tự chảy.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (Chỉ xả khi có mưa lớn kéo dài, vượt quá khả năng lưu chứa của hồ điều hòa).

2.2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

- *Nước thải sau xử lý:*

Chất lượng nước thải tại Cơ sở trước khi dẫn vào hồ điều hòa phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$. Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$)
1	pH	Thang pH	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	108
4	COD	mg/l	162
5	Sắt	mg/l	5,4
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
7	Tổng Nitơ	mg/l	43,2
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

- Nước thải tại vị trí xả nước thải:

Chất lượng nước thải từ hồ điều hòa khi thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,0$. Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,0$)
1	pH	Thang pH	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	45
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	90
4	COD	mg/l	135
5	Sắt	mg/l	4,5
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	9
7	Tổng Nitơ	mg/l	36
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,4
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000

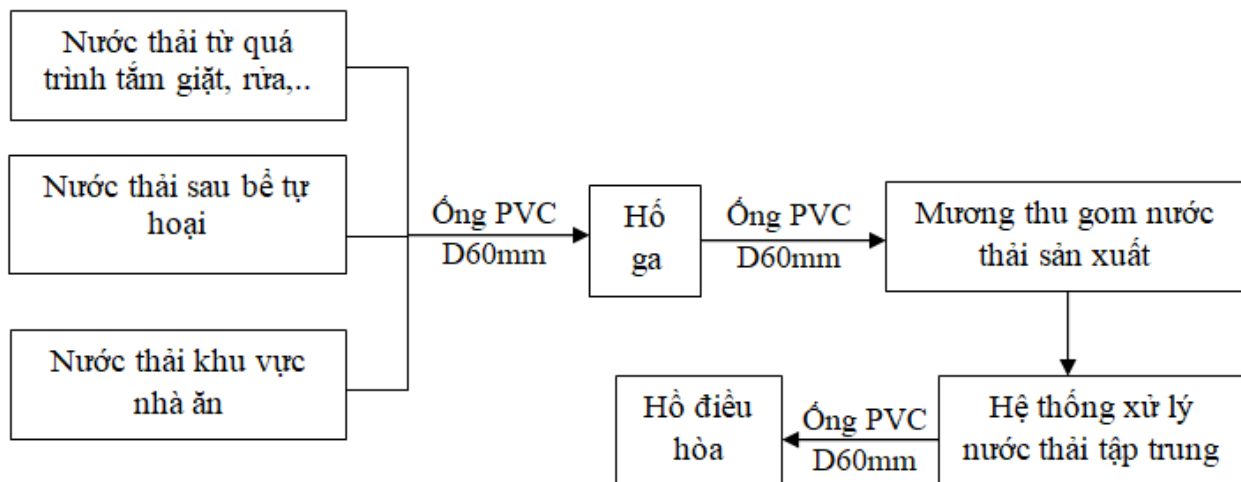
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt:

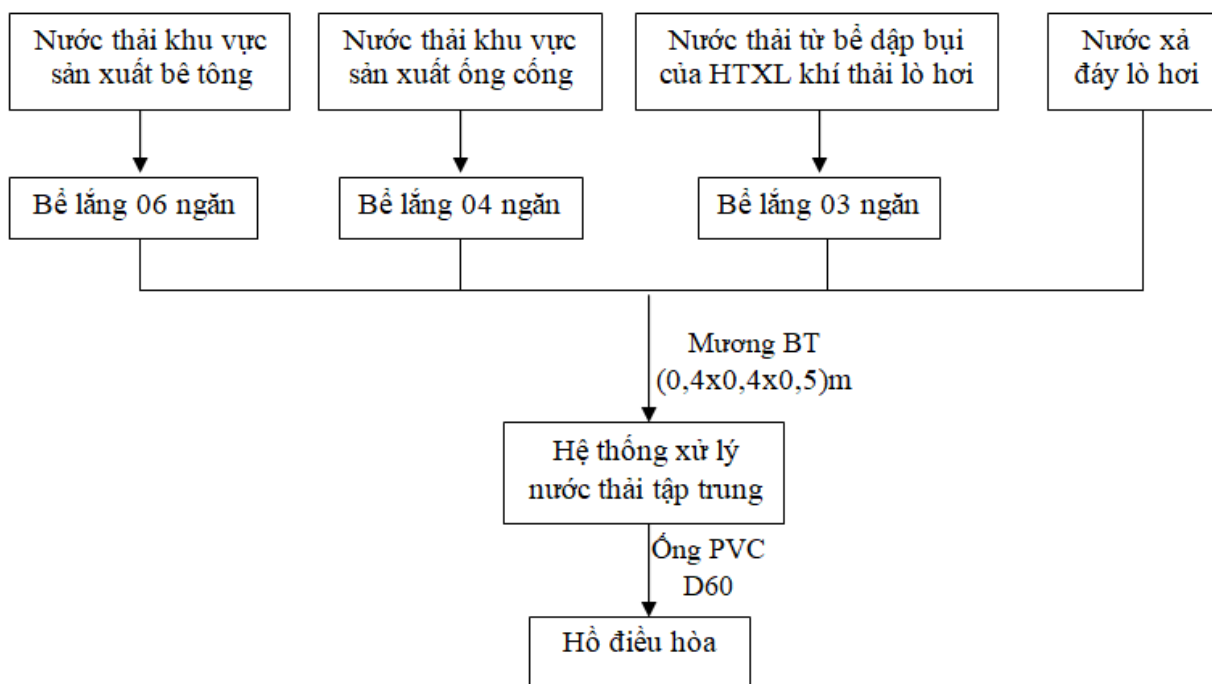
- Sơ đồ thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt:



- Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 02 bể tự hoại ba ngăn đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó được dẫn qua hố ga thu gom, tại đây nước thải sau bể tự hoại cùng với nước thải từ hoạt động tắm, giặt, rửa tay chân,... và nước thải khu vực nhà ăn được dẫn bằng hệ thống đường ống nhựa PVC D60mm, dài khoảng 40m đầu nối vào mạng thu gom nước thải sản xuất để dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.1.2. Nước thải từ quá trình sản xuất:

- Sơ đồ thu gom, xử lý, thoát nước thải sản xuất:



- Nước thải khu vực sản xuất bê tông (bao gồm nước vệ sinh máy móc thiết bị, nước rửa cốt liệu và sục rửa xe bồn): Được thu gom bằng hệ thống mương bê tông kích thước chiều rộng mặt x chiều rộng đáy x chiều cao là (0,4x0,4x0,5)m, dài 260m và mương hở kích thước (0,3x0,3x0,3)m, dài 58m dẫn về cụm bể lắng 06 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau đó được dẫn bằng hệ thống mương bê tông kích thước (0,4x0,4x0,5)m với chiều dài 115m dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

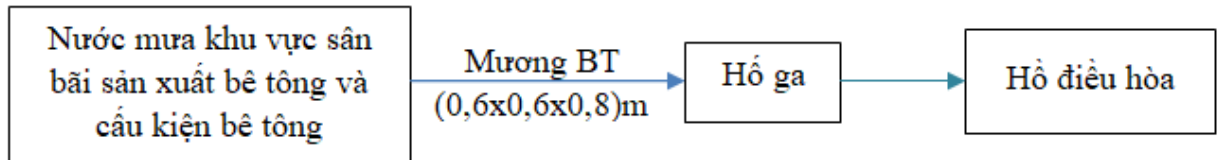
- Nước thải khu vực sản xuất ống cống (nước vệ sinh máy móc thiết bị): Được dẫn về cụm bể lắng 04 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó tiếp tục dẫn theo hệ thống mương bê tông kích thước (0,4x0,4x0,5)m với chiều dài 115m dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải khu vực lò hơi (bao gồm nước thải phát sinh từ bể đập bụi của hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước xả đáy lò hơi): Nước thải từ bể đập bụi của Hệ thống xử lý khí thải lò hơi được chảy trực tiếp qua bể lắng 03 ngăn để xử lý sau đó cùng với nước xả đáy lò hơi dẫn bằng hệ thống mương bê tông kích thước (0,4x0,4x0,5)m với chiều dài 50m và đầu nối vào mương thu gom nước thải sản xuất để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sau khi xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) được dẫn bằng đường ống PVC D60mm chiều dài 20m dẫn vào Hồ điều hòa trong khuôn viên Nhà máy để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất và tưới ẩm.

1.1.3. Nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sản xuất:

- Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi sản xuất:



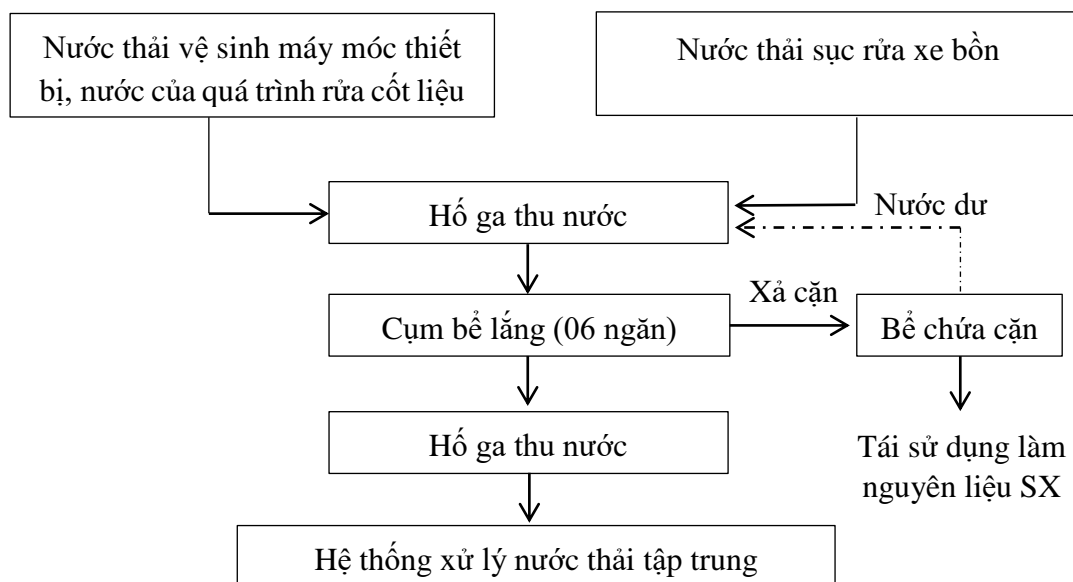
- Nước mưa chảy tràn ở các khu vực này có hàm lượng chất lơ lửng cao do đó được thu gom bằng hệ thống mương bê tông kích thước chiều rộng mặt x chiều rộng đáy x chiều cao là (0,6x0,6x0,8)m, độ dốc $i = 0,15\% - 0,3\%$ được bố trí dọc các tuyến đường thu gom nước mưa. Dọc theo hệ thống mương thoát, bố trí các hố ga lắng cặn và lưới chắn rác, kích thước $B \times H = (1,0 \times 1,0)$ m được xây gạch đặc dày 110mm, có nắp đan đúc sẵn. Nước mưa ở các khu vực này sau khi thu gom và xử lý tại các hố ga bằng phương pháp lắng cơ học được dẫn về hồ điều hòa để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất và tưới ẩm; khi có mưa lớn kéo dài, vượt quá khả năng lưu chứa của hồ, nước tại hồ sẽ được bơm ra mương thoát nước của CCN Phù Việt bằng hệ thống đường ống HPDE D65mm (dài 200m) dẫn về hồ sinh học của CCN và dẫn ra nguồn tiếp nhận là sông Trén.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

(1) Xử lý sơ bộ:

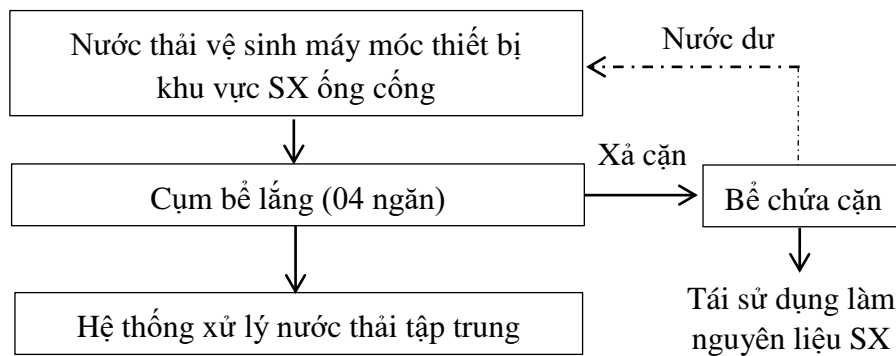
- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được dẫn vào 02 bể tự hoại cải tiến với tổng thể tích là 20m^3 đặt ngầm dưới Khu nhà văn phòng và Nhà ăn, nghỉ ca để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Kích thước mỗi bể là $2,5\text{m} \times 2,0\text{m} \times 2,0\text{m}$. Nước thải sau các bể tự hoại sẽ cùng với nước rửa chân tay và nước thải khu vực nhà ăn được đấu nối vào hệ thống mương thu gom nước thải sản xuất và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý.

- *Nước thải khu vực sản xuất bê tông:*



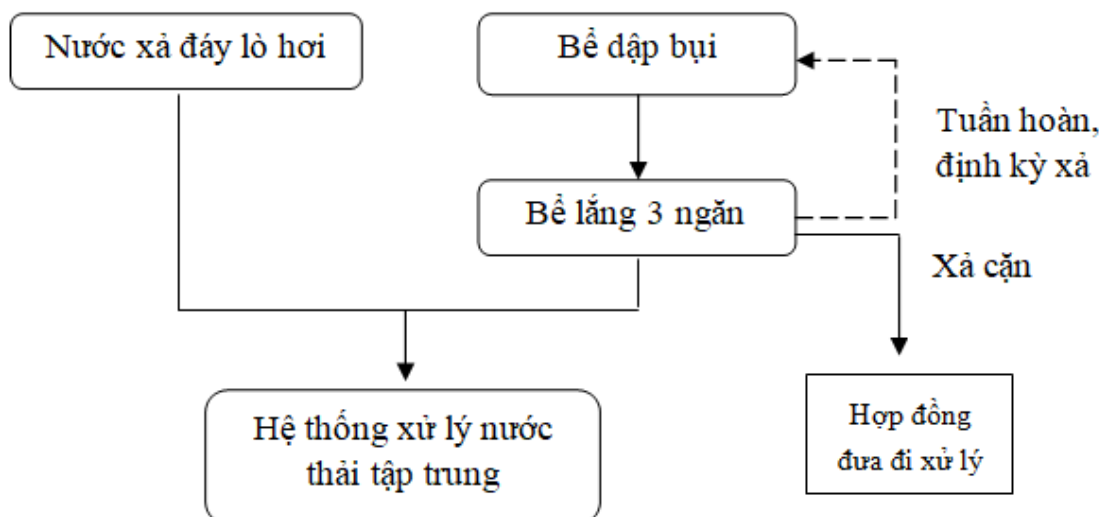
Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các máy móc thiết bị, nước của quá trình rửa cốt liệu của khu vực sản xuất bê tông thương phẩm và nước thải sục rửa xe bồn được thu gom vào các hố ga thu nước sau đó dẫn về cụm bể lắng (bể 06 ngăn được xây dựng bằng bê tông; kích thước mỗi ngăn $2,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) để xử lý sơ bộ và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý.

- Nước thải khu vực xưởng sản xuất ống cống:



Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các máy móc thiết bị khu vực sản xuất ống cống được dẫn về cụm bể lắng (04 ngăn) để xử lý sơ bộ và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý. Cụm bể lắng được xây dựng với 04 ngăn bằng bê tông (Ngăn 1: (3,6 x 8,3 x 1,3)m; ngăn 2: (3,6 x 2,0 x 1,3)m; ngăn 3: (4,6 x 3,7 x 1,7)m; ngăn 4: (1,5 x 3,7 x 1,7)m).

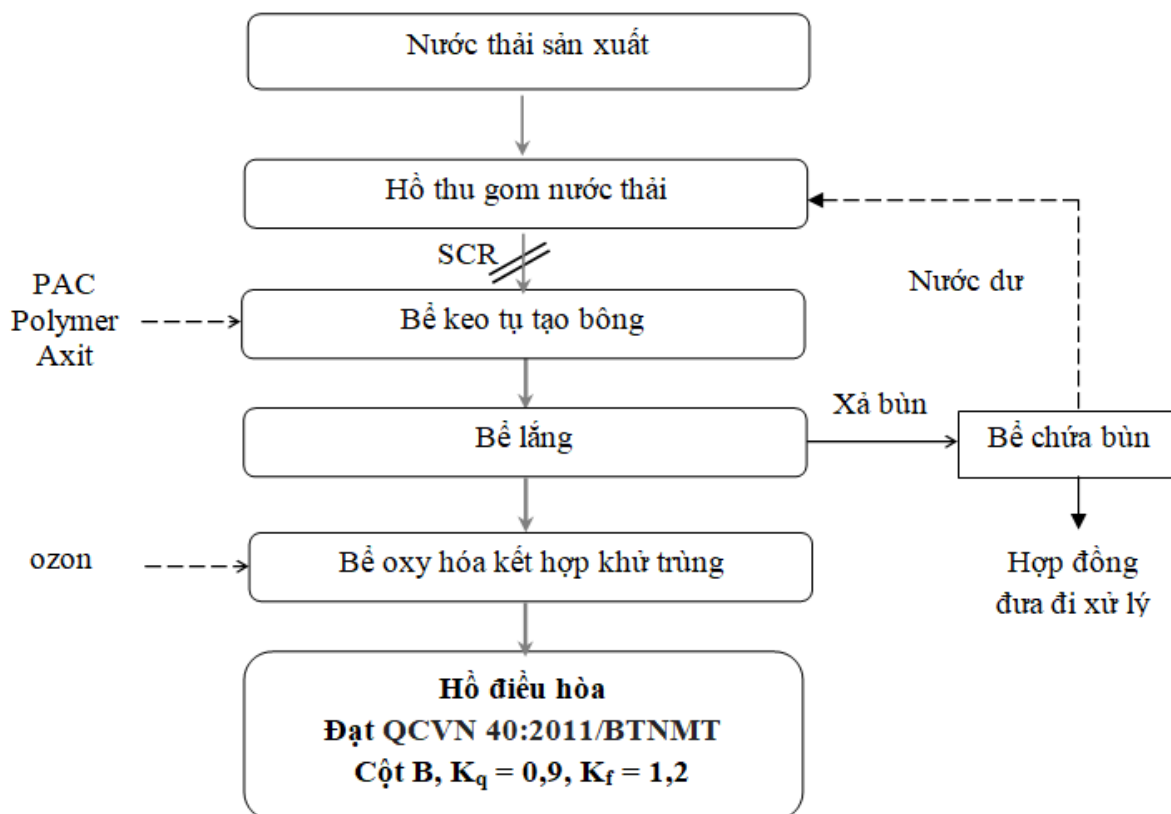
- Nước thải từ khu vực lò hơi:



Nước thải phát sinh từ bể đập bụi của Hệ thống xử lý khí thải lò hơi được dẫn trực tiếp qua bể lắng 03 ngăn để xử lý. Tại đây, các cặn có trong nước thải sẽ được lắng xuống đáy nhờ cơ chế lắng cơ học, nước sau khi lắng ở ngăn cuối cùng được bơm tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động đập bụi. Định kỳ, nước tại bể lắng 03 ngăn được thay thế và cùng với nước xả đáy lò hơi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục được xử lý. Bể lắng 03 ngăn được xây dựng với kích thước (2,5 x 1,5 x 1,5)m.

(2) Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



- Thuyết minh quy trình công nghệ:

Hồ thu gom nước thải: Hồ có thể tích 450m^3 , kích thước $(30 \times 5 \times 3)\text{m}$. Đáy lót bạt HPDE chống thấm, bờ được gia cố bằng bê tông. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được dẫn vào hồ thu gom nước thải. Hồ có tác dụng điều hòa lưu lượng, ổn định nồng độ và chất lượng nước thải để thuận lợi cho quá trình xử lý ở giai đoạn sau. Đồng thời hồ có vai trò chứa nước thải khi hệ thống xử lý dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì trong thời gian nhất định.

Bể keo tụ tạo bông: Kết cấu BTCT, thể tích $7,56\text{m}^3$, kích thước $(1,5 \times 1,8 \times 2,8)\text{m}$. Nước thải từ Hồ thu gom nước thải được bơm lên Bể keo tụ tạo bông, nước thải tại Bể keo tụ tạo bông được định lượng bổ sung hóa chất trợ lắng PAC, Polymer để keo tụ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn, hỗ trợ quá trình lắng được tốt hơn, thông qua đầu dò pH bơm định lượng sẽ hoạt động chậm axit có tác dụng ổn định pH, đạt tiêu chuẩn xả thải.

Bể lắng: Kết cấu BTCT, thể tích $34,3\text{m}^3$, kích thước $(3,5 \times 3,5 \times 2,8)\text{m}$. Sau trợ lắng bằng PAC và Polymer, nước thải tiếp tục được thực hiện quá trình lắng tách nước và bùn, quá trình lắng được thực hiện bởi trọng lực; nước thải từ Bể keo tụ tạo bông theo ống dẫn trung tâm xuống đáy bể đẩy phần nước trong lên mặt bể tràn qua Bể oxy hóa kết hợp khử trùng, phần cặn và bùn sẽ được giữ lại dưới đáy bể và định kỳ xả vào bể chứa bùn bằng bơm bùn.

Bể chứa bùn: Kết cấu BTCT, thể tích $24,5\text{m}^3$, kích thước $(3,5 \times 2,5 \times 2,8)\text{m}$. Bùn từ Bể keo tụ tạo bông được xả về bể chứa bùn. Tại đây bùn được lắng và giữ lại; lượng nước dư được dẫn vào hồ thu gom nước thải để xử lý. Bùn tại bể chứa bùn định kỳ 6 tháng/lần Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút (bằng xe hút chuyên dụng) đưa đi xử lý theo đúng quy định.

Bể oxy hóa kết hợp khử trùng: Kết cấu BTCT, thể tích $6,3\text{m}^3$, kích thước $(1,5 \times 1,5 \times 2,8)\text{m}$. Nước thải sau bể lắng được dẫn qua Bể oxy hóa kết hợp khử trùng, tại đây khí ozon được cấp vào nhằm oxy hóa các chất ô nhiễm còn lại và khử trùng nước thải. Bố trí 01 máy phát ozon công suất 10g/h.

Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) được bơm ra Hồ điều hòa để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của Nhà máy. Chỉ khi có mưa lớn kéo dài, vượt quá khả năng lưu chứa của hồ, nước tại hồ sẽ được bơm ra mương thoát nước của CCN Phù Việt bằng hệ thống đường ống HPDE D65mm (dài 200m) và dẫn về hồ sinh học của CCN rồi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Trén.

* Công suất thiết kế của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Tối đa $55\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

* Hóa chất, vật liệu sử dụng:

Hóa chất trợ lắng: PAC ($50\text{g}/\text{m}^3$ nước thải), Polymer ($0,005\text{g}/\text{m}^3$ nước thải), Axit H_2SO_4 ($10\text{g}/\text{m}^3$ nước thải).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình thiết kế và xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã bố trí hồ thu gom nước thải. Khi có sự cố, nước thải sẽ được lưu tại hồ thu gom để có thời gian khắc phục.

- Bố trí nhân viên có đủ năng lực để vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập sổ theo dõi hằng ngày trong quá trình vận hành.

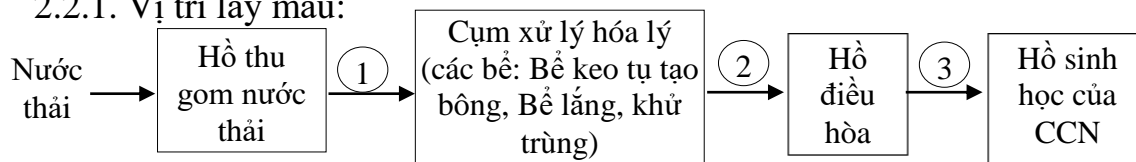
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố cần nhanh chóng thực hiện sửa chữa, khắc phục sự cố để đưa hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, đảm bảo chất nước sau xử lý đạt Quy chuẩn thải trước khi dẫn về hồ điều hòa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:



- Vị trí số 01: Nước thải đầu vào tại hồ thu gom nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: $X(\text{m}) = 2034\ 726$, $Y(\text{m}) = 0534\ 512$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°);

- Vị trí số 02: Nước thải đầu ra tại điểm cuối đường ống dẫn nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung vào hồ điều hòa. Tọa độ: $X(\text{m}) = 2034\ 708$; $Y(\text{m}) = 0534\ 503$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Vị trí số 3 (điểm xả thải ra môi trường): Tại đường ống HPDE D65mm đầu nối từ sau hồ điều hòa ra mương thoát nước về hồ sinh học của CCN (điểm xả). Tọa độ vị trí lấy mẫu: $X(\text{m}) = 2034\ 550$; $Y(\text{m}) = 0534\ 555$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung tại Mục 2.2.6 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Lấy 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 12/2024) của giai đoạn vận hành ổn định Hệ thống xử lý nước thải tập trung (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu đầu vào và 1 mẫu đầu ra; từ ngày thứ 2 trở đi lấy 1 mẫu đầu ra/ngày).

- Lấy 03 mẫu đơn tại điểm xả thải ra môi trường, trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 12/2024) của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải trên (trong trường hợp nước ở Hồ điều hòa có thải ra môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải;

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào và từ các máy móc, dây chuyền hoạt động tại Nhà máy;
- Bụi từ quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu sản xuất;
- Khí thải phát sinh từ lò hơi;
- Khí thải, mùi hôi phát sinh: từ hệ thống xử lý nước thải, tại mương thoát nước mưa, nước thải; từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt và từ khu vực nhà bếp ăn tập thể.

2. Dòng và vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào và từ các máy móc, dây chuyền hoạt động tại Nhà máy; Bụi từ quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu sản xuất; Khí thải, mùi hôi từ mương thoát nước mưa, nước thải, từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt và từ khu vực nhà bếp ăn tập thể: là các nguồn thải phân tán, nên không thể xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải, mùi hôi.

2.2. Đối với khí thải phát sinh từ lò hơi:

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống khói của lò hơi, tọa độ: X(m): 2034 612; Y(m): 0534 535 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105030', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.000 m³/giờ.

2.2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn được xả vào môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút.

2.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số Kp = 1,0, Kv = 1,0 trước khi xả vào môi trường không khí xung quanh, cụ thể như sau:

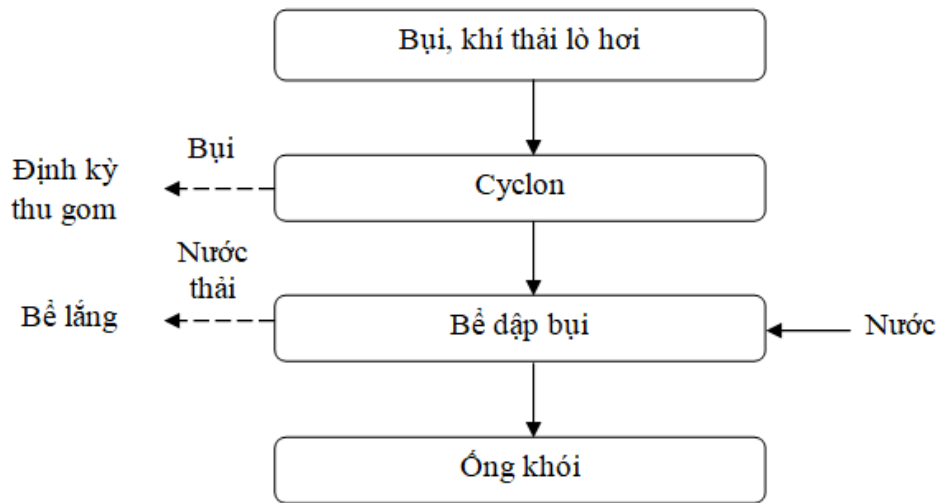
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1,0, Kv = 1,0)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000
3	NO ₂	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Đối với khí thải lò hơi:

- Quy trình công nghệ:



- Thuyết minh quy trình:

Công ty sử dụng dăm gỗ, mùn cưa làm nguyên liệu cung cấp cho lò hơi. Hỗn hợp khí và bụi sau khi đi qua bộ sấy không khí sẽ được dẫn vào bộ cyclon đơn để xử lý bụi. Cyclon hay còn gọi là thiết bị lọc bụi ly tâm có cấu tạo gồm thân hình trụ tròn, phía dưới thân hình trụ có phễu thu bụi và dưới cùng là ống thu bụi.

Hỗn hợp khí sau khi ra khỏi hệ thống cyclon được dẫn vào bể đập bụi. Tại đây được lắp đặt hệ thống các ventury đập bụi, khí thải đi từ dưới lên sẽ gặp các dòng nước phun ra từ các ventury làm cho các hạt bụi có trong dòng khí rơi xuống đồng thời làm giảm nhiệt độ của dòng khí. Dòng nước ở đây được tái tuần hoàn sử dụng, định kỳ thay thế sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý (đã nêu ở phụ lục số 01).

Dòng khí sau khi xử lý tại bể đập bụi được dẫn vào ống khói (Ống khói được xây dựng với vật liệu Inox 304 dày 3mm, đường kính Ø450mm, cao 15m) và thải ra môi trường. Khí thải đầu ra phải đảm bảo đạt theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $Kq=1,0$, $Kv=1,0$.

1.2. Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông:

- Tất cả các phương tiện thiết bị, xe vận chuyển đưa vào sử dụng tại Nhà máy phải có giấy chứng nhận, tem kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Yêu cầu lái xe vận chuyển, điều khiển phương tiện phải nghiêm chỉnh chấp hành cơ chế quản lý trong khu vực, quản lý tốc độ, đi lại, dừng, đỗ phải theo sự chỉ dẫn người quản lý/bảo vệ Nhà máy.

- Các loại phương tiện vận chuyển cát, đá ra vào Nhà máy phải có bạt che kín thùng và được kiểm tra an toàn về môi trường khi lưu thông trên đường; các

phương tiện cá nhân yêu cầu đậu đỗ xe đúng nơi quy định.

- Bố trí điểm xịt rửa xe, phương tiện trước khi ra khỏi cổng Nhà máy.

1.3. Đối với bụi từ quá trình bốc xúc, tập kết nguyên vật liệu sản xuất:

- Đối với xi măng, tro bay,... đưa vào sử dụng được vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng (như xe bồn,...) và lưu chứa trong các silo kín.
- Hạn chế dự trữ quá nhiều nguyên liệu cát đá, tránh chất thành đống cao; bố trí thiết bị che chắn phù hợp hạn chế phát sinh bụi khi có gió to thổi qua khu vực này.
- Đá trước khi đưa vào thùng trộn được phun nước nhằm hạn chế bụi.
- Khu vực nhà văn phòng điều hành, nhà ăn và nhà nghỉ công nhân phải xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Dây chuyền trạm trộn bê tông của nhà máy được lắp đặt hiện đại có gắn thiết bị lọc bụi trung tâm - là thiết bị thu bụi tại cối trộn và thùng cân xi măng tại dây chuyền. Thân lọc bụi dạng trụ tròn xoay làm bằng inox sáng, miệng xả lọc bụi liên kết với lắp cối trộn qua hệ thống ống dẫn.

1.4. Các biện pháp giảm thiểu khác:

- Tưới nước phun ẩm tuyến đường giao thông nội bộ và đường kế cận Nhà máy vào ngày thời tiết nắng nóng; Định kỳ duy tu, bảo dưỡng tuyến đường.
- Tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy theo đúng quy hoạch.
- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas và trường hợp cần thiết sẽ phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi.
- Vệ sinh khu vực nhà ăn, công trình vệ sinh thường xuyên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 01/10/2024 đến ngày 30/12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải lò hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói của lò hơi, tọa độ: X(m): 2034 612; Y(m): 0534 535 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.4 phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp (dự kiến trong tháng 12/2024) của giai đoạn vận hành ổn định Công trình xử lý khí thải lò hơi.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Nhà máy theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

3.2. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ lò hơi bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xả bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của Nhà máy gây ra./.

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Nhà máy chủ yếu từ Trạm trộn bê tông thương phẩm, Khu vực quay ly tâm sản xuất cấu kiện bê tông, hoạt động của các máy móc trong quá trình sản xuất, hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào, máy phát điện dự phòng,...

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Trạm trộn bê tông thương phẩm:

+ Trạm 01: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2034 630; Y(m): 0534 587.

+ Trạm 02: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2034 644; Y(m): 0534 610.

+ Trạm 03: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2034 664; Y(m): 0534 602.

- Khu vực quay ly tâm sản xuất cấu kiện bê tông: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2034 591; Y(m): 0534 583.

- Máy phát điện dự phòng: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2034 657; Y(m): 0534 590.

- Các phương tiện giao thông vào ra và máy móc thiết bị khác trong quá trình sản xuất,.. là nguồn phân tán, không xác định vị trí.

3. Tiếng ồn tại các khu vực xung quanh phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ (theo báo cáo đề xuất cấp GPMT của Chủ cơ sở)	Ghi chú
1	70	55	Tối thiểu 01 lần/năm	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn phát ra tại các khu vực Nhà máy.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao được trang

bị các nút tai chuyên dụng giảm tiếng ồn.

- Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.
- Khu vực sản xuất được bố trí cách ly với khu vực hành chính, nhà nghỉ công nhân và lắp đặt thiết bị chống ồn, rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.
- Sử dụng máy phát điện có vỏ chống ồn và bộ giảm thanh, xây dựng các khu nhà đặt máy phát điện riêng biệt, cách xa khu văn phòng, khu nhà nghỉ ca và lắp đặt các tấm đệm cao su ở các chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.
- Tăng cường hệ thống cây xanh quanh hàng rào Nhà máy và ngăn cách giữa các khu chức năng trong khuôn viên Nhà máy theo đúng quy hoạch được duyệt nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ Nhà máy và giảm ô nhiễm môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, phát sinh:

STT	Danh mục CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng ước tính (kg/tháng)	Mã CTNH
1	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	01	11 02 01
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	10	18 01 03
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	KS	05	18 01 02
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	KS	15	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	NH	01	16 01 06
6	Các loại dầu thải khác	NH	30	17 07 03
Tổng cộng			62	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Sản phẩm hỏng, nguyên liệu rơi vãi: Khoảng $1,1\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Vỏ bao bì, bì carton đóng gói hàng hóa, nhãn mác, dây nhựa,... thải: khoảng $10\text{kg}/\text{ngày}$.

- Tro xỉ phát sinh từ khu vực nồi hơi: $3,25\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Bùn thải từ bể tự hoại: Khoảng $16,2\text{ m}^3/\text{lần}$ (tính định kỳ 02 năm/lần nạo vét).

- Bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải: Khoảng $7,9\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét các bể lắng (bể lắng 6 ngăn, bể lắng 4 ngăn):

Khối lượng khoảng $1,0\text{m}^3/\text{tháng}$.

- Bùn thải từ nạo vét các hố ga, hệ thống mương thoát nước: Khối lượng khoảng $1,0\text{m}^3/06\text{ tháng}$.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa,...): Khoảng 61,6kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CNCNPKS (dung tích khoảng 100lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong Kho lưu giữ CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: Diện tích 18m², kết cấu vách được gia cố bằng tường xây, nền bằng bê tông M250#, có mái che, mặt sàn bằng bê tông đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu giữ.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với các nguyên vật liệu rơi vãi trong quá trình sản xuất và bốc xúc sẽ được thu gom và tái sử dụng sản xuất. Đối với các sản phẩm bị lỗi, hư hỏng không đảm bảo chất lượng sẽ được tập kết về bãi vật liệu và phá vỡ sắt thép thu gom bán phế liệu, bê tông được nghiền lại thêm phụ gia tái sử dụng để sản xuất.

- Đối với các chất thải rắn có thể tái chế (bao bì, giấy, bìa carton, ...) được thu gom và tập kết ở các khu nhà xưởng và định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải là tro xỉ phát sinh từ quá trình đốt nồi hơi được thu gom vào bao Jumbo, tập kết gần khu vực lò hơi và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Vật tư, dụng cụ thiết bị hư hỏng (như thùng trộn, băng tải, linh kiện hỏng,...) đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất (gần khu vực khu thành phẩm), định kỳ phân loại bán phế liệu hoặc hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn thải từ các bể lắng sơ bộ: Lượng bùn này có thành phần chính là cát, đá và xi măng được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất một số cấu kiện như: Cống hộp, hào kỹ thuật,...

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn thải từ bể tự hoại và bùn nạo vét hệ thống mương thoát nước được hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: Bố trí khoảng 21 thùng (loại thể tích 30 lít/thùng) tại các phòng làm việc hành chính (06

thùng), tại các phòng vệ sinh (06 thùng), tại các phòng nghỉ ca của cán bộ, công nhân viên (09 thùng); 06 thùng (loại thể tích 50 lít/thùng) tại khu vực nhà ăn, nhà bếp; 03 thùng (loại thể tích 100 lít/thùng) đặt ở Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau nhằm phân loại tại nguồn bao gồm: Chất thải rắn tái chế, chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt bố trí gần khu vực Nhà ăn, nghỉ ca: có diện tích 6m², mái che lợp tôn, nền bằng bê tông M250.

2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại (như các lon đựng nước giải khát,...) sau khi được phân loại, thu gom và định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn sinh hoạt khác được phân loại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng cháy chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 72/TD-PCCC ngày 29/6/2023 và Văn bản nghiệm thu về PCCC số 50/NT-PCCC ngày 15/8/2023.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình công cộng, chống cây xanh, cột đèn; chặt cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Chủ cơ sở cam kết chấp hành nghiêm chỉnh Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể áp dụng một số biện pháp phòng ngừa sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc sử dụng từng thiết bị như: hệ thống lò hơi và các thiết bị vận tải,...

- Trong thời gian làm việc công nhân không được đi lại nơi không thuộc phạm vi của mình.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Nếu không được phân công thì công nhân không được tự ý sử dụng hoặc sửa chữa thiết bị.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an

toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình hoạt động sản xuất, như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại xưởng. Trang bị tủ thuốc và các dụng cụ y tế thông dụng.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm và chế độ lao động theo đúng luật lao động và Luật bảo hiểm quy định cho cán bộ công nhân làm việc tại xưởng.

- Bố trí các biển cảnh báo, vạch kẻ chỉ dẫn đường đi lại, máy móc thiết bị trong khu vực xưởng sản xuất cọc bê tông ly tâm.

- Lắp đặt và duy trì nắp đậy bảo vệ Khu vực hầm chứa nước sản xuất; lắp đặt lan can trên Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và luôn bảo đảm bảo an toàn trong quá trình quản lý vận hành.

- Bố trí sàn thao tác và luôn đảm bảo an toàn khi kiểm tra, lấy mẫu khí thải tại ống khói của lò hơi.

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu:

- Thực hiện đầy đủ theo kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 12/11/2021.

- Bố trí nhận lực và mua sắm các trang thiết bị nhằm phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu như: Phao vây thấm dầu, chần chiên, giấy thấm dầu,...

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:

Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.